TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **141**/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Nguyễn Tuấn V,** sinh năm: 1959 ;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện tại: Số 399 đường N, nhà số 75 đường số 5 khu dân cư P, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm: 1961;

Nơi ĐKHKTT: Số 21, tổ 28 phường D, quận C, TP. Hà Nội.

Hiện trú tại: Số 399 đường N, nhà số 75 đường số 5 khu dân cư P, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T kết hôn vào năm 1986 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Đ, TP. Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số 346 cấp ngày 08/01/1986. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ: Số 21, tổ 28 phường D, quận C, TP. Hà Nội. Trong quá trình chung số thì giữa vợ chồng ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cải vã, xích mích với nhau. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được làm cho đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng ông, bà sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay ông V và bà T xác định không còn yêu thương nhau nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông V và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông V và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông V và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông V và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác định có 02 con chung là: Nguyễn Mai P, sinh ngày: 19/10/1986 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 05/02/1999. Các con chung đều đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường vì vậy ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007787 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Tuấn V** và bà **Nguyễn Thị Kim T.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 346 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/01/1986 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác định có 02 con chung là: Nguyễn Mai P, sinh ngày: 19/10/1986 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 05/02/1999. Các con chung đều đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị Kim T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007787 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

PHÙNG ANH DŨNG